

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-ĐHDT ngày 28 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Tên chương trình : Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp
Hình thức đào tạo : Chính quy
Khóa đào tạo : 2018

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIỀN ĐỘ
				TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			45				
I. Học phần bắt buộc			43				
1.1. Ngoại ngữ			5				
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2		GE4410		2
1.2. Giáo dục quốc phòng			8				
1	GE4149	Đường lối quân sự của Đảng	3				2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2		GE4149		3
3	GE4153	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3		GE4150		4
1.3. Giáo dục thể chất			3				
1.3.1. Học phần bắt buộc			1				
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1				1
1.3.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2 TC)			2				
1	GE4321	Bóng đá	2		GE4306		2
2	GE4323	Cầu lông	2		GE4306		2
3	GE4327	Cờ vua	2		GE4306		2
4	GE4322	Bóng chuyền	2		GE4306		2
5	GE4324	Khiêu vũ thể thao	2		GE4306		2
6	GE4326	Võ thuật Karatedo	2		GE4306		2
7	GE4325	Võ thuật Vovinam	2		GE4306		2
8	GE4331	Bơi lội	2		GE4306		2
1.4. Đại cương chung			29				
1	GE4038A	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2				1
2	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2				1
3	GE4045	Tâm lý học đại cương	2				1
4	GE4017	Giáo dục học đại cương	2				1
5	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2				1
6	GE4075	Giáo dục học trung học	2		GE4017		2
7	GE4078	Tâm lý học trung học	2		GE4045		2
8	GE4038B	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3		GE4038A		2
9	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		GE4038B		3
10	GE4005	TH Công tác đội TNTP Hồ Chí Minh	1				3

11	BI4120	Hóa đại cương	2				3
12	GE4062	Toán cao cấp	2				3
13	GE4011	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3		GE4056		4
14	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2				4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
I. Kiến thức chuyên ngành			79				
1	AG4001	Động vật không xương sống	2				1
2	AG4003	Giải phẫu hình thái thực vật	2				1
3	AG4004	Hóa sinh học	2				1
4	AG4117	Nông hóa thổ nhưỡng	2				2
5	AG4006	Phân loại thực vật	2				2
6	AG4000	Động vật có xương sống	2				2
7	AG4111	Khí tượng nông nghiệp	2				2
8	AG4002	Giải phẫu động vật	2				3
9	AG4007	Sinh lý động vật	2				3
10	AG4100	Bảo vệ cây trồng	3				3
11	AG4106	Di truyền học	2				3
12	AG4113	Kỹ thuật trồng hoa cây cảnh	2				3
13	AG4008	Sinh lý thực vật	2				3
14	AG4118	Nuôi trồng thủy sản	2				4
15	AG4124	Sinh thái nông nghiệp	2				4
16	AG4115	Lâm sinh	2				4
17	AG4205	Chăn nuôi gia cầm	3				4
18	AG4207	Chăn nuôi gia súc	3				4
19	AG4215	Miễn dịch học và thuốc thú y	3				5
20	AG4216	Nông nghiệp và biến đổi khí hậu	2				5
21	AG4217	Quản lý chất thải chăn nuôi	2				5
22	AG4218	Dinh dưỡng cây trồng trong sản xuất bền vững	2				5
23	AG4219	Sinh lý thực vật ứng dụng	3				5
24	AG4123	Sinh thái học và bảo vệ môi trường	2				5
25	AG4220	Tổ chức và phôi thai học	2				5
26	AG4103N	Cơ sở di truyền và chọn giống	2				5
27	AG4221	Kỹ thuật sản xuất rau an toàn	2				5
28	AG4202	Cây ăn quả	2				5
29	AG4203	Cây công nghiệp	2				5
30	AG4132N	Côn trùng học nông nghiệp	3				6
31	AG4222	Bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp bền vững	2				6
32	AG4133	Kinh tế, pháp luật và chính sách nông nghiệp	2				6
33	AG4223	Phương pháp dạy học tích cực trong môn KTNN	3				6
34	AG4131	Bệnh truyền nhiễm ở gia súc và gia cầm	2				6
35	AG4224	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	2				6
36	AG4300	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	2				6
II. Thực hành, thực tập nghề nghiệp			14				
1	GE4401	Rèn luyện NVSPTX 1	1				1
2	AG4402	Rèn luyện NVSPTX 2	1				2

3	AG4403	Rèn luyện NVSPTX 3	1				3
4	AG4404	Rèn luyện NVSPTX 4	1				4
5	AG4405	Rèn luyện NVSPTX 5	1				5
6	AG4403	Kiến tập sư phạm	2				5
7	AG4406	Rèn luyện NVSPTX 6	1				6
8	AG4698	Thực tập tốt nghiệp	6				6
Tổng số TCTL			138				

